

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HB
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/11/2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em

2. Ông Võ Tấn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Toà án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/10/2021; 01/11/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXX- ST ngày 26 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1972 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

* Bị đơn: Nguyễn Văn D, sinh năm: 1971 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan:

1/ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện HB - tỉnh Bạc Liêu (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 389 ấp thị trấn A, thị trấn Hòa Bình, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Đình Thục N, sinh năm: 1973 (*Vắng mặt*)

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện HB - tỉnh Bạc Liêu

2/ Ông Đặng Quang C và bà Trần Thị M (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

3/ Ông Hoàng Công H và bà Nguyễn Thị H (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

4/ Chị Nguyễn Kim Th, sinh năm: 1993 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

5/Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1994 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/04/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Công D xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện tại chị H và anh D đã sống ly thân với nhau từ năm 2003 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng chị H và anh D có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm: 1993 và Nguyễn Văn D, sinh năm: 1994 hiện tại đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị H có tài sản chung là phần diện tích 23.571m² đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu đứng tên hộ ông Nguyễn Công D. Phần đất này hiện tại đang cho vợ chồng ông Hoàng Văn H và vợ chồng ông Đặng Quang C thuê đất để làm. Nay chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là diện tích 23.571m² đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu và tiền cho thuê đất là 153.000.000đ tiền cho ông H và ông C thuê đất đến tháng 02/2020 (*tiền thuê đất anh D đã nhận đủ từ hai người này*).

Về nợ chung: hai vợ chồng có thiếu nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện HB, tỉnh Bạc Liêu với số tiền gốc và lãi là 314.851.200 đồng. Nay chị H yêu cầu anh D cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Theo bị đơn anh Nguyễn Công D trình bày (Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 29/05/2020): Anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương,

nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm: 1993 và Nguyễn Văn D, sinh năm: 1994 hiện tại đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Vợ chồng anh có tài sản chung là phần diện tích 23.571m² đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu đứng tên hộ ông Nguyễn Công D. Phần đất này hiện tại đang cho vợ chồng ông Đặng Quang C và vợ chồng ông Hoàng Văn H thuê đất để làm với số tiền 40.000.000đ, anh D đã nhận đủ tiền thuê đất của ông C và ông H. Về nợ chung hai vợ chồng anh D có thiếu nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện HB, tỉnh Bạc Liêu số tiền 314.851.000 đồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ anh D bỏ đi theo người khác dẫn đến hạnh phúc gia đình tan vỡ. Hiện tại hai vợ chồng đã ly thân với nhau cách nay 16 năm. Nay anh D chỉ đồng ý ly hôn với chị H, đồng ý trả nợ chung nhưng không đồng ý chia tài sản chung vì tài sản có nguồn gốc là của cha mẹ anh cho.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn D: Chị Th – anh D xác định QSD đất đứng tên hộ Nguyễn Văn D là tài sản của cha mẹ anh chị là ông D – bà H nên anh chị không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Bà Lê Đình Thục Nghi trình bày: Ông Nguyễn Công D và bà Hoàng Thị H có ký kết với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện HB hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1601/HĐTD ngày 06/12/2003 để vay số tiền gốc là 60.000.000 đồng, mục đích vay nuôi tôm, lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1602/HĐTD ngày 28/02/2002 để vay số tiền gốc là 11.990.000 đồng, mục đích vay nuôi tôm, lãi suất 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, ông Nguyễn Công D và bà Hoàng Thị H thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tài sản sau: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 584533 do UBND huyện Vĩnh Lợi (nay là huyện HB) cấp ngày 30/3/2000 cho hộ ông Nguyễn Công D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 23.571m², đất có số thửa 767, tờ bản đồ số 06; số thửa 175-1, 175-2, 176, 241, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Tính đến hết ngày 01/6/2020, tổng dư nợ của ông Nguyễn Công D và bà Hoàng Thị H còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là 314.841.200đ, trong đó: nợ gốc 71.990.000đ, nợ lãi tạm tính đến hết ngày 01/6/2020 là 242.861.200đ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, yêu cầu ông D và bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo 02 hợp đồng tín dụng trên, nhưng đến nay ông D và bà H không thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng mà liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng.

Nay ông Nguyễn Công D và bà Hoàng Thị H ra Tòa ly hôn, phân chia tài sản. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan yêu cầu ông D và bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến 01/6/2020 là 314.841.200đ.

Trường hợp ông D và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 584533 do UBND huyện Vĩnh Lợi (nay là huyện HB) cấp ngày 30/3/2000 cho hộ ông Nguyễn Công D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 23.571m², đất có số thửa 767, tờ bản đồ số 06; số thửa 175-1, 175-2, 176, 241, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa:

- *Ý kiến trình bày của anh Nguyễn Công D:* Anh D đồng ý ly hôn với chị H; đồng ý trả nợ cho ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện HB theo yêu cầu của ngân hàng, nhưng không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của chị Hoàng Thị H

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

+ Về hôn nhân: Không công nhận chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Công D là vợ chồng

+ Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị H về chia tài sản chung là QSD đất đứng tên hộ Nguyễn Văn D và số tiền cho thuê đất 40.000.000 đồng;

+ Nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đòi anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H phải thanh toán nợ vay tạm tính đến ngày 28/10/2021 là 337.689.690 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ hết cho Ngân hàng.

+ Về án phí, chi phí định giá tài sản anh D và chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng giữa nguyên đơn là chị Hoàng Thị H và bị đơn là anh Nguyễn Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Bình: Người mà chị H – anh D xác định khi còn sống cha mẹ anh D đã chuyển nhượng 5.000 m² đất cho người tên Bình nhưng chưa chuyển tên, hiện tại cả

anh H và chị D không biết rõ họ tên do đó không thể đưa người này tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện tại chị H và anh D đã sống ly thân với nhau từ năm 2003 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh D.

Xét thấy: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Công D xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Công D không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận nên không công nhận anh D và chị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Công D thống nhất quá trình chung sống có 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm: 1993 và Nguyễn Văn D, sinh năm: 1994, hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung:

[4.1] Đối với bất động sản là diện tích 23.571 m² đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

[4.1.1] Vợ chồng chị H và anh D có tài sản chung là phần diện tích 23.571 m² đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu đứng tên hộ ông Nguyễn Công D. Phần đất này hiện tại đang cho vợ chồng ông Hoàng Văn H và vợ chồng ông Đặng Quang C thuê đất để làm. Nay chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là diện tích 23.571 m² đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu và tiền cho thuê đất là 153.000.000 đồng tiền cho ông H và ông C thuê đất đến tháng 02/2020 (*tiền thuê đất anh D đã nhận đủ từ hai người này*).

[4.1.2] Ngày 22/07/2021 chị Hoàng Thị H có đơn yêu cầu xin được rút phần tài sản là 5.000 m² đất tại thửa đất 767 tờ bản đồ 06 vì theo như chị H trình bày phần đất này chị đã bán cho anh Bình (*Phần diện tích 5.000 m² đất tại thửa đất 767 tờ bản đồ 06 cũng được anh D xác định đã bán cho người khác không còn*) đồng thời chị thống nhất theo ý kiến của anh D là tiền thuê đất là 40.000.000 đồng, yêu cầu được rút lại số tiền 113.000.000 đồng. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu đối với phần diện tích 5.000m² đất tại thửa đất 767 tờ bản đồ 06 và số tiền 113.000.000 đồng không xem xét.

[4.1.3] Như vậy ngoại trừ phần diện tích 5.000 m² đã bán cho người tên Bình thì tài sản chung của chị H và anh D còn lại là 18.571m² đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu và tiền cho thuê đất là 40.000.000 đồng tiền cho ông H và ông C thuê đất

[4.1.4] Vào ngày 05/10/2020 Tòa án nhân dân huyện HB đã tiến hành thẩm định đối với toàn bộ diện tích tại các thửa đất nêu trên tuy nhiên phía anh D, ông

C – bà Mận, ông H – bà Hiền không cho hội đồng thẩm định với lý do các phần đất này đang các bên đang thuê lại để nuôi tôm việc đo đạc thẩm định sẽ dẫn đến xui xẻo nên Hội đồng không thể thẩm định phần đất nêu trên được. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 14/06/2021 anh D xác định diện tích thực tế và diện tích trong giấy chứng nhận QSD đất mà anh được cấp giấy chứng nhận QSD đất là giống nhau nên căn cứ vào QSD đất có trong hồ sơ để giải quyết. Trong trường hợp nếu có xảy ra sự chênh lệch về diện tích dẫn đến thiệt thòi quyền và lợi ích đối với các phần đất mà anh D – chị H được chia thì anh D và chị H tự chịu vì đây là sự tự nguyện và theo yêu cầu thống nhất chia theo diện tích trong giấy chứng nhận QSD đất của anh D và chị H.

[4.1.5] Ngoài ra do không thể thẩm định được phần đất tranh chấp; Quá trình tòa án triệu tập để lấy ý kiến ông C – bà Mận; ông H bà Hiền là những người thuê đất của vợ chồng anh D – chị H, nhưng những người này cố tình không lên và có hành vi ngăn cản hội đồng thẩm định đo đạc nên Hội đồng xét xử cũng không xác định được tài sản có trên phần đất tranh chấp của những người này nên không thể xem xét quyền và lợi ích hợp pháp của họ nên thiệt thòi họ tự chịu; Nếu sau này có xảy ra tranh chấp với anh D và chị H thì ông C – bà Mận; ông H – bà Hiền có thể khởi kiện thành một vụ án độc lập khác

[4.1.6] Phần đất đang tranh chấp hiện tại là hai phần đất hoàn toàn riêng biệt cụ thể phần đất gồm các thửa đất 175-1; 175- 2; 176 với thửa đất 241 là nằm trên vị trí khác nhau, tách biệt hoàn toàn với nhau. Cụ thể diện tích 300m² đất nhà ở, thuộc thửa số 175-1; diện tích 1.418m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 175-2, tờ bản đồ số 11; diện tích 2.125m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 11 đang cho ông C – bà Mận thuê, hai người này đang trực tiếp quản lý, sử dụng; Phần diện tích 14.728m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 214, tờ bản đồ số 11 đang cho ông H – bà Hiền thuê, hai người này đang trực tiếp quản lý sử dụng.

[4.1.7] Ngày 25/02/2021, Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản trên cơ sở tài sản đang thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 584533 do UBND huyện Vĩnh Lợi (nay là huyện HB) cấp ngày 30/3/2000 cho hộ ông Nguyễn Công D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 23.571m², đất có số thửa 767, tờ bản đồ số 06; số thửa 175-1, 175-2, 176, 241, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

- 300m² đất nhà ở, thuộc thửa số 175-1, tờ bản đồ số 11 có giá 170.000đ/m².
Vậy 300m² x 170.000đ = 51.000.000đ.

- 1.418m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 175-2, tờ bản đồ số 11 có giá 30.000đ/m². Vậy 1.418m² x 30.000đ = 42.540.000đ.

- 2.125m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 11 có giá 30.000đ/m². Vậy 2.125m² x 30.000đ = 63.750.000đ.

- 14.728m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 214, tờ bản đồ số 11 có giá 30.000đ/m². Vậy 14.728m² x 30.000đ = 441.840.000đ.

Tổng giá trị phần đất là = 599.130.000 đồng

[4.1.8] Anh Nguyễn Công D không đồng ý chia tài sản chung, vì tài sản có nguồn gốc là của cha mẹ anh D cho.

[4.1.9] Theo án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng, nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở, khi vợ chồng người con xây dựng nhà thì cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì; vợ chồng người con đã sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định và đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất”*.

[4.1.10] Đối chiếu với án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 thì diện tích 23.571m² đã được anh D tiến hành việc kê khai đất, được UBND huyện Vĩnh Lợi (nay là huyện HB) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/3/2000 cho hộ ông Nguyễn Công D thì được xác định đây là tài sản của vợ chồng anh D, chị H đã được tặng cho quyền sử dụng đất.

[4.1.11] Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn: *“2. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây: a) Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng; b) Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập; c) Bảo vệ lợi ích Cnh đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập; d) Lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng”*.

[4.1.12] Theo điểm b và điểm d Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“b) “Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung” là sự đóng góp về tài sản riêng, thu nhập, công việc gia đình và lao động của vợ, chồng trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Người vợ hoặc chồng ở nhà chăm sóc con, gia đình mà không đi làm được tính là lao động có thu nhập tương đương với thu nhập của chồng hoặc vợ đi làm. Bên có công sức đóng góp nhiều hơn sẽ được chia nhiều hơn. ... ”*.

[4.1.13] Trong vụ án này nguồn gốc hình thành khối tài sản chung của vợ chồng sau khi đã trừ phần đất 5.000 m² đã bán cho anh Bình 23.571m² – 5.000 = 18.571 m² đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu là do cha mẹ của anh D tặng cho, nên anh D có công sức đóng góp nhiều hơn để có được tài sản này. Về phía chị H cho rằng phần đất này vợ chồng chị đã nhận chuyển nhượng của

mẹ chồng chị nhưng không có giấy tờ và không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[4.1.14] Đối chiếu với điểm b và điểm d Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp, thì chị H có công sức đóng góp ít hơn và có lỗi dẫn đến ly hôn, nên được chia ít hơn, cụ thể là chị H được chia 40/100 trên tổng giá trị tài sản là 599.130.000 (18.571m²). Vậy chị H được nhận là 599.130.000đ x 40% = 239.652.000đ.

[4.1.15] Còn anh D có công sức đóng góp nhiều hơn nên được chia 60/100 trên tổng giá trị tài sản là **599.130.000 (18.571m²)**. Vậy anh D được nhận là 599.130.000đ x 60% = 359.478.000 đồng.

[4.1.16] Do đó chia cho chị Hoàng Thị H:

- 300m² đất nhà ở, thuộc thửa số 175-1, tờ bản đồ số 11 có giá 170.000đ/m².
Vậy 300m² x 170.000đ = 51.000.000đ.

- 1.418m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 175-2, tờ bản đồ số 11 có giá 30.000đ/m². Vậy 1.418m² x 30.000đ = 42.540.000đ.

- 2.125m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 11 có giá 30.000đ/m². Vậy 2.125m² x 30.000đ = 63.750.000đ.

Tổng giá trị phần đất là: 157.290.000đ đồng

[4.1.17] Chia cho anh Nguyễn Công D

-14.728m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 214, tờ bản đồ số 11 có giá 30.000đ/m². Phần đất này có giá trị 14.728m² x 30.000đ = 441.840.000

[4.1.18] Buộc anh Nguyễn Công D có nghĩa vụ trả phần giá trị trên lịch cho chị Hoàng Thị H với số tiền 441.840.000 - 359.478.000 đồng = 82.362.000 đồng.

[4.2] Đối với số tiền 153.000.000đ mà chị H yêu cầu anh D chia từ việc cho thuê đất

[4.2.1] Chị Hoàng Thị H cho rằng từ khi ly thân cho đến nay, anh Nguyễn Công D đã cho vợ chồng ông Hoàng Văn H và vợ chồng ông Đặng Quang C thuê đất để nuôi tôm được số tiền là 153.000.000đ. Vào ngày 22/07/2021 chị Hoàng Thị H có đơn thống nhất theo ý kiến của anh D là tiền thuê đất là 40.000.000 đồng, yêu cầu được rút lại số tiền 113.000.000 đồng. Như vậy tiền cho thuê đất là 153.000.000đ tiền cho ông H và ông C thuê đất. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/06/2021 anh D xác định số tiền 40.000.000 anh đã tiêu xài cá nhân và giữ cho mẹ ruột anh (việc gửi tiền cho mẹ ruột anh không có ý kiến của chị H) do đó ý kiến không đồng ý chia tiền thuê đất của anh D không được chấp nhận. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đối với anh D đòi chia đôi số tiền thuê đất 40.000.000 đồng

[4.2.2] Do đó: Chia cho chị Hoàng Thị H ½ của số tiền 40.000.000 đồng là 20.000.000 đồng; Chia cho anh Nguyễn Công D ½ của số tiền 40.000.000đ là 20.000.000 đồng. Số tiền 40.000.000 đồng anh D đã nhận từ ông C và ông H, nên

buộc anh Nguyễn Công D có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thị H số tiền 20.000.000đ.

[5] Về nợ chung:

[5.1] Đối với số tiền nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tạm tính đến hết ngày 28/10/2021 là 337.689.690 đồng

Anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H có ký kết với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện HB hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1601/HĐTD ngày 06/12/2003 để vay số tiền gốc là 60.000.000 đồng, mục đích vay nuôi tôm, lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và hợp đồng tín dụng trung hạn số 1602/HĐTD ngày 28/02/2002 để vay số tiền gốc là 11.990.000 đồng, mục đích vay nuôi tôm, lãi suất 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tài sản sau: quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 584533 do UBND huyện Vĩnh Lợi (nay là huyện HB) cấp ngày 30/3/2000 cho hộ ông Nguyễn Công D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 23.571m², đất có số thửa 767, tờ bản đồ số 06; số thửa 175-1, 175-2, 176, 241, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 28/10/2021 là 337.689.690đ, trong đó: nợ gốc 71.990.000đ, nợ lãi là 265.699.690đ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, yêu cầu anh D và chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo 02 hợp đồng tín dụng trên, nhưng đến nay anh D và chị H không thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng mà liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng.

Nay anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H ra Tòa ly hôn, phân chia tài sản. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu anh D và chị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/10/2021 là 337.689.690đ.

Trường hợp anh D và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 584533 do UBND huyện Vĩnh Lợi (nay là huyện HB) cấp ngày 30/3/2000 cho hộ ông Nguyễn Công D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 23.571m², đất có số thửa 767, tờ bản đồ số 06; số thửa 175-1, 175-2, 176, 241, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Xét thấy: giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng với nhau vào ngày 28/02/2002 và ngày 06/12/2003 để vay số tiền gốc 71.990.000 đồng giao dịch này là có thật, có xảy ra trên thực tế và được sự thừa nhận của anh D với chị H.

Bên cạnh đó: **theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định:** “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H đã thừa nhận khoản vay trên của Ngân hàng, đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng không cần phải chứng minh.

Do đó: chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đòi anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H phải thanh toán nợ vay tạm tính đến ngày 28/10/2021 là 337.689.690đ (do anh D và chị H ly hôn nên, buộc mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng là 168.844.845đ) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ hết cho Ngân hàng.

[5.2] Đối với tài sản thế chấp:

Xét thấy việc thế chấp tài sản trên có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Cnh Phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18/11/2011 về việc hướng dẫn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên môi trường, cụ thể:

Ngày 28/02/2002 và ngày 06/12/2003, anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 584533 do UBND huyện Vĩnh Lợi (nay là huyện HB) cấp ngày 30/3/2000 cho hộ ông Nguyễn Công D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 23.571m², đất có số thửa 767, tờ bản đồ số 06; số thửa 175-1, 175-2, 176, 241, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Mặc khác, các bên ký kết hợp đồng thế chấp là tự nguyện và tuân thủ đúng quy định pháp luật, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, công nhận hợp đồng thế chấp này.

Do đó: Trường hợp anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc và lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thế chấp trên để thu hồi nợ. Cụ thể:

+ Đối với khoản nợ của anh Nguyễn Công D thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản gồm: 14.728m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 214, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

+ Đối với khoản nợ của chị Hoàng Thị H thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản gồm: 300m² đất nhà ở, thuộc thửa số 175-1, tờ bản đồ số 11; 1.418m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 175-2, tờ bản đồ số 11; 2.125m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Đối với diện tích 5.000 m² đất tại thửa đất 767 tờ bản đồ 06 đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu mà anh D và chị H thế chấp để đảm

bảo nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng đã rút đơn do đó hội đồng xét xử không xem xét và đình chỉ yêu cầu này.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Nguyễn Công D phải chịu 150.000 đồng; Chị Hoàng Thị H phải chịu 150.000 đồng; Chị Hoàng Thị H đã dự nộp tạm ứng 300.000 đồng được nhận lại 150.000 đồng từ số tiền anh Nguyễn Công D nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình.

[7] Về án phí:

[7.1] Chị Hoàng Thị H phải nộp: Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Hoàng Thị H phải chịu là 300.000 đồng; Về án dân sự có giá ngạch cụ thể: Án phí đối với thực hiện nghĩa vụ với người thứ 3 là Ngân hàng: Chị Hoàng Thị H phải chịu là $168.844.845đ \times 5\% = 8.442.242$ đồng; Án phí đối với tài sản được chia: Chị Hoàng Thị H phải chịu là $239.652.000đ + 20.000.000đ = 259.652.000đ - 168.844.845đ = 90.807.000đ \times 5\% = 4.540.357đ$. Như vậy tổng số tiền án phí chị Hoàng Thị H phải chịu là 300.000 đồng + $8.442.242$ đồng + $4.540.357$ đồng. = $13.282.599$ đồng. Chị Hoàng thị H đã dự nộp tạm ứng án phí $7.800.000$ đồng tại biên lai thu số 0006133 ngày 06/05/2020 và $3.825.000$ đồng tại biên lai thu số 0006225 ngày 29/05/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện HB được trừ chị Hoàng Thị H còn phải nộp $1.658.000$ đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện HB.

[7.2] Anh Nguyễn Công D phải nộp: Án phí đối với thực hiện nghĩa vụ với người thứ 3 là Ngân hàng anh Nguyễn Công D phải chịu là $168.844.845đ \times 5\% = 8.442.242$ đồng; Án phí đối với tài sản được chia anh Nguyễn Công D phải chịu là $359.478.000$ đồng + $20.000.000$ đồng = $379.478.000đ - 168.844.845$ đồng = $210.633.155đ \times 5\% = 10.531.657$ đồng. Tổng số tiền án phí có giá ngạch anh Nguyễn Công D phải chịu là $8.442.242$ đồng + $10.531.657$ đồng = $18.974.000$ đồng.

[7.3] Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã dự nộp tạm ứng án phí $7.871.000$ đồng tại biên lai thu số 0010018 ngày 12/06/2021 được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Công D là vợ chồng.

2/ Về tài sản chung:

2.1/ Chia cho chị Hoàng Thị H các tài sản gồm:

- 300m² đất nhà ở, thuộc thửa số 175-1, tờ bản đồ số 11 trị giá 51.000.000 đồng

- 1.418m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 175-2, tờ bản đồ số 11 trị giá 42.540.000 đồng

- 2.125m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 11 trị giá 63.750.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 157.290.000 đồng.

2.2/ Chia cho anh Nguyễn Công D các tài sản gồm:

+ 14.728m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 214, tờ bản đồ số 11 trị giá 441.840.000 đồng

- Buộc anh Nguyễn Công D có nghĩa vụ trả phần giá trị trên lịch cho chị Hoàng Thị H với số tiền 82.362.000 đồng

2.3/ Chia cho chị Hoàng Thị H $\frac{1}{2}$ của số tiền 40.000.000đ là 20.000.000 đồng

2.4/ Chia cho anh Nguyễn Công D $\frac{1}{2}$ của số tiền 40.000.000 đồng là 20.000.000 đồng

Số tiền 40.000.000 đồng anh D đã nhận từ ông C và ông H, nên buộc anh Nguyễn Công D có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thị H số tiền 20.000.000 đồng

2.5/ Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Hoàng Thị H đối với phần diện tích 5.000m² đất tại thửa đất 767 tờ bản đồ 06 và số tiền 113.000.000 đồng tiền cho thuê đất.

3. Về nợ chung:

3.1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đòi anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H phải thanh toán nợ vay tạm tính đến ngày 28/10/2021 là 337.689.690đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ hết cho Ngân hàng.

Buộc chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Công D mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với số tiền 168.844.845 đồng (*trong đó: 35.995.000đ tiền gốc và 132.8449.845đ tiền lãi*) tính đến ngày 28/10/2021 và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ hết cho Ngân hàng.

3.2/ Trường hợp anh Nguyễn Công D và chị Hoàng Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc và lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ, cụ thể:

- Đối với khoản nợ của chị Hoàng Thị H thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản gồm: 300 m² đất nhà ở, thuộc thửa số 175-1, tờ bản đồ số; 1.418 m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 175-2, tờ bản đồ số 11; 2.125 m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- Đối với khoản nợ của anh Nguyễn Công D thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản gồm: 14.728m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 214, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

3.3/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đối với diện tích 5.000 m² đất tại thửa đất 767 tờ bản đồ 06, đất tọa lạc tại ấp 12, xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

4/ Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Nguyễn Công D phải chịu 150.000 đồng; Chị Hoàng Thị H phải chịu 150.000 đồng; Chị Hoàng Thị H đã dự nộp tạm ứng 300.000 đồng được nhận lại 150.000 đồng từ số tiền anh Nguyễn Công D nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình.

5/ Về án phí:

5.1 Chị Hoàng Thị H phải nộp: Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Hoàng Thị H phải chịu là 300.000 đồng; Về án dân sự có giá ngạch cụ thể: Án phí đối với thực hiện nghĩa vụ với người thứ 3 là Ngân hàng: Chị Hoàng Thị H phải chịu là $168.844.845đ \times 5\% = 8.442.242$ đồng; Án phí đối với tài sản được chia: Chị Hoàng Thị H phải chịu là $239.652.000đ + 20.000.000đ = 259.652.000đ - 168.844.845đ = 90.807.000đ \times 5\% = 4.540.357đ$. Như vậy tổng số tiền án phí chị Hoàng Thị H phải chịu là 300.000 đồng + $8.442.242$ đồng + $4.540.357$ đồng = $13.282.599$ đồng. Chị Hoàng thị H đã dự nộp tạm ứng án phí 7.800.000 đồng tại biên lai thu số 0006133 ngày 06/05/2020 và 3.825.000 đồng tại biên lai thu số 0006225 ngày 29/05/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện HB được đòi trừ chị Hoàng Thị H còn phải nộp 1.658.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện HB.

5.2 Anh Nguyễn Công D phải nộp: Án phí đối với thực hiện nghĩa vụ với người thứ 3 là Ngân hàng anh Nguyễn Công D phải chịu là $168.844.845đ \times 5\% = 8.442.242$ đồng; Án phí đối với tài sản được chia anh Nguyễn Công D phải chịu là $359.478.000$ đồng + $20.000.000$ đồng = $379.478.000đ - 168.844.845$ đồng = $210.633.155đ \times 5\% = 10.531.657$ đồng. Tổng số tiền án phí có giá ngạch anh Nguyễn Công D phải chịu là $8.442.242$ đồng + $10.531.657$ đồng = $18.974.000$ đồng.

5.3 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã dự nộp tạm ứng án phí 7.871.000 đồng tại biên lai thu số 0010018 ngày 12/06/2021 được hoàn lại toàn bộ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện HB;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H A;
- Chi cục THADS huyện HB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ NAM